

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Bích Thuận

2. Bà Vũ Thị Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 320/2020/TLST-HN ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: “vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-HN ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Phương Th, sinh năm X

Địa chỉ: A, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Chung T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 1956

Địa chỉ: A, Phường H, Quận S, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2020 cùng các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Th trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Đăng D tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V, tỉnh B (theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 06/8/2010).

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 xuất phát từ khi bà biết ông Nguyễn Đăng D có một người con riêng và không cho bà biết từ trước và sau khi kết hôn; bà chỉ biết việc ông D có con riêng khi bé Nguyễn Trần Đăng Kh được 02 tuổi. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng có tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/7/2020 đến nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng cũng có hỏi han về vấn đề con cái.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trần Đăng Kh, sinh năm Z. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Kh, việc cấp dưỡng nuôi con : Tự thỏa thuận.

Nợ chung : Không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Đăng D trình bày:*

Việc chung sống và đăng ký kết hôn, vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như bà Trần Thị Phương Thúy đã trình bày. Tuy nhiên, Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến việc phải ly hôn. Sở dĩ bà Th nộp đơn đến Tòa án bởi vì giữa vợ chồng có những bất đồng nhỏ trong cuộc sống. Bản thân ông là người kỹ tính, cầu toàn. Do đó vợ chồng có bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con và vấn đề sinh hoạt hằng ngày. Ông cũng chưa cố gắng để giải tỏa những vấn đề trên với vợ con, do đó vợ chồng ngày càng không tìm được sự hòa hợp, gắn bó. Hai vợ chồng không thường xuyên xảy ra cãi vã, đôi lúc nóng giận có to tiếng với nhau. Sau những lần cãi vã hai vợ chồng không tự hòa giải với nhau, nhưng sau một thời gian vợ chồng lại trở lại bình thường. Vợ chồng hiện tại đang sống ly thân từ ngày 01/7/2020. Từ khi sống ly thân, vợ chồng vẫn gặp gỡ, nói chuyện và chăm sóc con bình thường.

Việc bà Trần Thị Phương Th cho rằng ông có con riêng ở ngoài là đúng sự thật, tuy nhiên đó là chuyện quá khứ từ trước khi tôi kết hôn với bà Th, hiện nay con riêng của ông cũng đã gần 30 tuổi. Đối với việc tôi giấu bà Th có con riêng ở ngoài trước khi kết hôn là do ông muốn tìm thời gian thích hợp để nói với bà Th. Từ khi kết hôn với bà Th, ông không có bất kỳ mối quan hệ ngoài hôn nhân.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, con chung còn nhỏ. Do đó ông không đồng ý ly hôn với bà Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Th, ông đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Kh, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con hoặc tùy khả năng tài chính mà bà Th tự quyết định.

*Tại phiên tòa sơ thẩm*

Bà Trần Thị Phương Th giữ nguyên ý kiến, yêu cầu ly hôn với ông D. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Kh, việc cấp dưỡng nuôi con : Tự thỏa thuận.

Ông Nguyễn Đăng D giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đó, không đồng ý ly hôn với bà Th. Tuy nhiên nếu bà Th kiên quyết muốn ly hôn với ông thì ông cũng chấp nhận và đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Kh, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Trần Thị Phương Th và ông Nguyễn Đăng D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Th, ông D có 01 con chung tên Nguyễn Trần Đăng Kh, sinh năm Z; Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không tự hòa giải nên tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Hiện hai vợ chồng đang sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông D đồng ý ly hôn với bà Th. Do đó, việc bà Th xin ly hôn ông D là có cơ sở chấp nhận. Về vấn đề tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có; Về con chung: Căn cứ vào bản trình bày nguyện vọng ngày 07/7/2020 của trẻ Nguyễn Trần Đăng Kh có nguyện vọng muốn ở với mẹ, tuy nhiên tại phiên tòa bà Th và ông D đều thừa nhận ông Nguyễn Đăng D là người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Kh từ trước đến nay; mặt khác, xét thấy nếu giao trẻ Kh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ Kh. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Kh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Thúy.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại địa chỉ A, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Phương Th và ông Nguyễn Đăng D quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 06/8/2010 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị Phương Th và ông Nguyễn Đăng D là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.2] Xét, bà Trần Thị Phương Th có yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đăng D, tuy nhiên ông Nguyễn Đăng D cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa, ông D đồng ý ly hôn với bà Thúy.

Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào bản tự khai của các đương sự thể hiện từ khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung tại địa chỉ A, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại công văn số 438/UBND ngày 14/7/2020 của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Th với ông D có nội dung “...UBND Phường H chưa nhận được đơn nhờ can thiệp về tình trạng mâu thuẫn gia đình của bà Trần Thị Phương Th và ông Nguyễn Đăng D, cũng như chưa từng xử lý hành chính do vi phạm chế độ hôn nhân 1 vợ 1 chồng của bà Th, ông D....”.

Xét, căn cứ vào bản tự khai ngày 07/7/2020 của ông D có nội dung bản thân ông là người kỹ tính, cầu toàn, do đó trong việc nuôi dạy con cái và các vấn đề khác trong sinh hoạt hằng ngày như sắp xếp đồ vật, vệ sinh nhà cửa, ăn uống...luôn có bất đồng với vợ, từ năm 2014 ông không đi làm chỉ ở nhà làm nội trợ nên tính tình dễ cáu gắt khi không vừa ý...càng ngày vợ chồng càng không tìm được sự hòa hợp gắn bó nên dẫn đến việc bà Th yêu cầu ly hôn. Đồng thời, tại phiên tòa, ông D đồng ý ly hôn với bà Th, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Th, ông D đã rạn nứt.

Xét, trình bày của bà Th thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 xuất phát từ khi bà biết ông Nguyễn Đăng D có một người con riêng và không cho bà biết từ trước và sau khi kết hôn; bà chỉ biết việc ông D có con riêng khi bé Nguyễn Trần Đăng Kh được 02 tuổi. Như vậy, trước và sau khi kết hôn với bà Th, ông D đã không thành thật, dẫn đến vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau.

Xét, tại các bản tự khai của bà Th và sự thừa nhận của ông D thể hiện hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng dành thời gian để các đương sự tự hòa giải với nhau, nhưng bà Th vẫn yêu cầu được ly hôn với ông D, ông Nguyễn Đăng D đồng ý ly hôn với bà Th.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2015, giữa bà Th, ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, quan hệ vợ chồng giữa bà Th, ông D đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trần Đăng Kh, sinh ngày Z. Căn cứ vào bản trình bày nguyện vọng ngày 07/7/2020 của trẻ Nguyễn Trần Đăng Kh có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Th và ông D đều thừa nhận ông Nguyễn Đăng D là người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Kh từ trước đến nay; mặt khác, xét thấy nếu giao trẻ Kh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ Kh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Trần Đăng Kh cho ông Nguyễn Đăng D trực tiếp nuôi dưỡng và dành quyền thăm nom con cho bà Trần Thị Phương Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đăng D không yêu cầu bà Trần Thị Phương Th cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận về tài sản chung của bà Th, ông D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Th, ông D thừa nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương Th chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Trần Thị Phương Th và ông Nguyễn Đăng D.

**2.** Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao trẻ Nguyễn Trần Đăng Kh, sinh ngày Z cho ông Nguyễn Đăng D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đăng D không yêu cầu bà Trần Thị Phương Th cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Bà Trần Thị Phương Th được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền

**3. Về tài sản chung:** Ghi nhận sự tự thỏa thuận về tài sản chung của bà Th, ông D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Th, ông D thừa nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm** là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Phương Th phải chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0010374 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, bà Trần Thị Phương Th đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**5. Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01, ngày 06/8/2010** do Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V, tỉnh V cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**6. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Nam**